



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 15, Số 1 (2018): 88-97

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 15, No. 1 (2018): 88-97

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN KHOA ĐỊA LÍ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG HOẠT ĐỘNG ĐĂNG KÍ HỌC PHẦN TỰ CHỌN

Phạm Đỗ Văn Trung^{1*}, Nguyễn Hà Quỳnh Giao²

¹ Khoa Địa lí - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

² Khoa Sư phạm Xã hội - Trường Đại học Sài Gòn

Ngày nhận bài: 07-8-2017; ngày nhận bài sửa: 28-8-2017; ngày duyệt đăng: 22-01-2018

TÓM TẮT

Bài báo sử dụng các phương pháp điều tra xã hội học để tìm hiểu nhận thức của sinh viên (SV) khoa Địa lí khi đăng kí các học phần chuyên ngành tự chọn. Kết quả khảo sát cho thấy SV Địa lí lựa chọn các học phần chuyên ngành bị chi phối nhiều bởi các yếu tố khách quan, môi trường học tập và các mục tiêu ngắn hạn; đồng thời, một số yếu tố hỗ trợ học chế tín chỉ của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) chưa phát huy vai trò đúng mức.

Từ khóa: học chế tín chỉ, học phần tự chọn, môi trường học tập, mục tiêu học tập ngắn hạn.

ABSTRACT

Awareness of geography students,

Ho Chi Minh City University of Education about registering elective courses

The article applied the method of sociological investigation to research the awareness of students of Geography faculty when registering the specialized elective modules. The survey results showed that Geography students selected specialized courses are ruled by the objective factors, the study environment and the short-term goals. In addition, a number of factors supporting credit system of Ho Chi Minh City University of Education has not adequately promote the role.

Keywords: credit -based curriculum, elective course, study environment, short-term learning goals.

1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm học 2010 – 2011. Đến nay, hoạt động quản lí đào tạo, dạy và học của Trường đã thay đổi rất nhiều. Về phía SV, học chế tín chỉ đã trao cho người học nhiều quyền chủ động trong sắp xếp kế hoạch học tập, phù hợp với năng lực, nguyện vọng, sở thích cá nhân... Trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí, SV không chỉ có nhiều cơ hội lựa chọn học phần chuyên ngành mà còn được lựa chọn giảng viên giảng dạy.

Tuy nhiên, SV vốn đã quen với môi trường học tập đào tạo theo niên chế ở bậc giáo dục phổ thông, nhưng lại phải bắt đầu ngay với môi trường giáo dục đại học có nhiều khác

* Email: trungpham@hcmup.edu.vn

biệt nên không tránh khỏi sự lúng túng. Cùng với việc trao cho SV nhiều quyền lựa chọn, Trường, Khoa và giảng viên cần tạo ra môi trường học tập tích cực, thay đổi cách thức quản lý, tổ chức hoạt động dạy – học và định hướng động cơ học tập đúng đắn cho SV. Vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng đăng kí học phần (ĐKHP) tự chọn của SV nói chung và SV Địa lí nói riêng sẽ cung cấp thông tin phản hồi hữu ích để hoạt động dạy – học theo học chế tín chỉ hiệu quả hơn.

2. Phương pháp và dữ liệu

Bài báo sử dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập dữ liệu về quá trình đăng kí các học phần tự chọn của SV Khoa Địa lí. Cụ thể:

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: thực hiện trên 179 SV. Mẫu điều tra là SV năm 2, 3, 4 (có đăng kí học phần tự chọn), đối tượng khảo sát chiếm phần lớn khách thể nghiên cứu (xem Bảng 1).

Bảng 1. Phân bố mẫu khảo sát theo khối lớp

	Tần số	Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ % mẫu có giá trị	Tỉ lệ % tích lũy
Năm 2	57	31,8	31,8	31,8
Năm 3	58	32,4	32,4	64,2
Năm 4	64	35,8	35,8	100,0
Tổng	179	100,0	100,0	

Nguồn: Xử lí từ kết quả điều tra

- Phương pháp thảo luận nhóm: có 5 nhóm được lựa chọn từ đối tượng khảo sát, gồm các khối lớp: năm 2 (1 nhóm), năm 3 (2 nhóm), năm 4 (2 nhóm). Các nhóm thảo luận 3 nội dung chính: mức độ quan trọng của nguồn thông tin tham khảo trước khi đăng kí học phần (ĐKHP), mức độ quan trọng của các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn học phần, những biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa ĐKHP và kết quả học tập.

- Phương pháp phỏng vấn sâu: chọn một số trường hợp đặc biệt từ đối tượng khảo sát để làm rõ hơn nội dung nghiên cứu.

- Phần lớn các câu hỏi trong khảo sát sử dụng thang đo 5 cấp độ (thang đo Likert).

Phương pháp thống kê mô tả và kiểm định mối quan hệ giữa các biến từ kết quả khảo sát, sử dụng phần mềm SPSS 22.0.

3. Kết quả và thảo luận

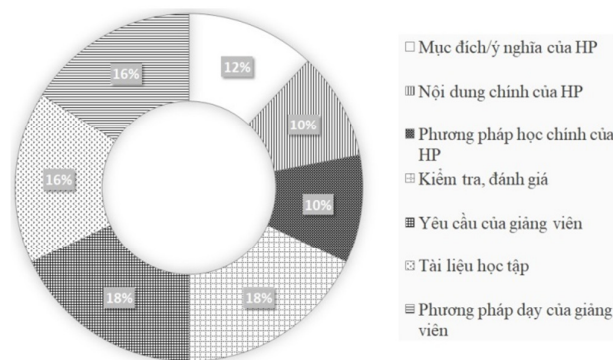
3.1. Kết quả

3.1.1. Sự quan tâm của SV về chương trình đào tạo

Trong chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, SV có tính chủ động cao trong việc lựa chọn kiến thức trang bị cho bản thân và đề ra kế hoạch học tập phù hợp với nhu cầu, năng lực. SV có thể chủ động về thời gian đào tạo, tiến trình đào tạo; có thể học nhanh hơn hay chậm hơn so với tiến độ thông thường. Địa lí là một khoa học có tính tổng hợp về tri thức, SV Sư phạm Địa lí có thể làm việc ở nhiều chuyên môn khác nhau, hơn nữa, chương

trình tín chỉ còn trao cho SV quyền lựa chọn những học phần yêu thích, phù hợp với năng lực, định hướng nghề nghiệp tương lai.

Theo kết quả khảo sát, phần lớn SV Khoa Địa lí dành nhiều thời gian tìm hiểu thông tin trước khi ĐKHP. Có lẽ đây là hệ quả của học chế tín chỉ vì trước đây SV thường thụ động học theo kế hoạch đào tạo của Trường, Khoa. Những mối quan tâm chính của SV Khoa Địa lí được thể hiện cụ thể ở Hình 1 dưới đây:



Hình 1. Những thông tin SV quan tâm trước khi đăng ký học phần

Trong số 178 SV trả lời, gần 80% SV có quan tâm tìm hiểu các thông tin về môn học, giảng viên, cách học, cách kiểm tra - đánh giá học phần... Số lượng SV ít quan tâm hoặc không quan tâm là không đáng kể (5,6%). Trong 128 SV được khảo sát quan tâm tìm hiểu các thông tin trước khi ĐKHP, mỗi quan tâm trải đều cho nhiều khía cạnh; trong đó, hai “mối bận tâm” lớn nhất đối với SV Khoa Địa lí là: cách kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và yêu cầu của giáo viên trong quá trình học.

Để hoạt động ĐKHP hữu ích, SV cần nắm rõ nhiều thông tin liên quan. Trong khảo sát của chúng tôi, phần lớn SV (61,5%) tự đánh giá biết rõ chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí. Tuy nhiên, chỉ có 9,5% SV ở mức độ biết “rất rõ” và gần 17% SV ở mức “ít biết rõ hoặc gần như không biết” chương trình. Khi phỏng vấn những SV lựa chọn ở mức “trung tính” về hiểu biết chương trình đào tạo, SV thể hiện sự nhận thức mơ hồ. Điều này có nghĩa là nhiều SV được khảo sát quan tâm đến các thông tin trước khi ĐKHP nhưng lại không nắm rõ một trong những yếu tố quan trọng là chương trình đào tạo. Phần lớn SV (gần 60%) lựa chọn học phần theo thời khóa biểu (định hướng) của Trường và Khoa. Có 1/3 SV chủ động xác định các học phần cho từng năm học, học kì. Khi phỏng vấn nhóm SV này, nhiều trường hợp nghiên cứu chương trình đào tạo và sắp xếp các học phần theo kế hoạch riêng, không như thời khóa biểu của Khoa; tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp xác định lịch học sau khi đã có thời khóa biểu. Thực tế này có liên quan đến nguồn thông tin SV tham khảo và quyết định ĐKHP được trình bày ở phần sau.

Mức độ biết rõ chương trình đào tạo có sự khác nhau theo khối lớp. Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Mức độ biết rõ chương trình đào tạo, phân theo khối lớp

		Biết rõ chương trình đào tạo					Tổng
		Rất rõ	Khá rõ	Trung tính	Ít biết rõ	Gần như không biết	
Khối lớp	Năm 2	1	17	15	23	1	57
	Năm 3	6	36	12	4	0	58
	Năm 4	10	40	12	2	0	64
	Tổng	17	93	39	29	1	179

Nguồn: Xử lý từ kết quả điều tra

Bảng 2 cho thấy phần lớn SV năm 2 còn mơ hồ về chương trình đào tạo và mức độ giảm dần đối với SV năm 3, năm 4. Chúng tôi tiến hành phân tích bảng chéo để kiểm định mối quan hệ giữa mức độ biết rõ chương trình đào tạo và khối lớp. Phân tích dùng kiểm định Chi – bình phương (Chi-square) cho kết quả hai biến này có mối quan hệ khi giá trị sig nhỏ hơn 0.05 và 20% số ô có tần suất mong đợi dưới 5 (xem Bảng 3).

Bảng 3. Kiểm định Chi-Square
mối quan hệ giữa mức độ biết rõ chương trình đào tạo và khối lớp

	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	47.410(a)	8	.000
Likelihood Ratio	47.993	8	.000
Linear-by-Linear Association	37.550	1	.000
N of Valid Cases	179		

a. 3 cells (20.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is .32.

3.1.2. Nguồn tham khảo thông tin

Nguồn thông tin tham khảo có ý nghĩa quan trọng đến quyết định ĐKHP và kết quả học tập của SV. Trong học chế tín chỉ, cùng với quyền chủ động, SV được cơ sở đào tạo cung cấp các nguồn lực hỗ trợ học tập nhiều hơn so với chương trình đào tạo theo niên chế. Khảo sát gợi ý các nguồn tham khảo thông tin, gồm: chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, cố vấn học tập, kinh nghiệm của SV năm trước và lời khuyên của bạn bè cùng khóa/cùng lớp. Có khoảng 67% SV đánh giá các nguồn tham khảo này có ý nghĩa quan trọng đối với ĐKHP, tuy nhiên, mức độ đánh giá có sự khác nhau giữa các nguồn thông tin. Bảng 4 cho thấy SV tham khảo chủ yếu từ chương trình đào tạo, kinh nghiệm của SV năm trước và lời khuyên của bạn bè cùng khóa/lớp.

Bảng 4. Tần suất các nguồn thông tin tham khảo trước khi đăng kí học phần

		Theo lượt trả lời		Tỉ lệ (%) theo mẫu khảo sát
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	
Nguồn thông tin tham khảo	Chương trình đào tạo	137	30,0%	79,7%
	Đề cương chi tiết học phần	24	5,3%	14,0%
	Cổ vấn học tập	14	3,1%	8,1%
	Kinh nghiệm của SV năm trước	143	31,3%	83,1%
	Lời khuyên của bạn bè cùng khóa/lớp	139	30,4%	80,8%
	Tổng	457	100,0%	265,7%

Nguồn: Xử lí từ kết quả điều tra

Khi học ở bậc phổ thông, học sinh ít được làm quen và trang bị kĩ năng ra quyết định nên khi được quyền/bắt buộc ra quyết định trong học chế tín chỉ ở bậc giáo dục đại học, nhiều SV sẽ lúng túng. Đó là “không gian” để cổ vấn học tập phát huy vai trò và trách nhiệm của mình. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy vai trò rất mờ nhạt của cổ vấn học tập đối với SV Địa lí. Chỉ 3,1% SV được khảo sát có tham khảo thông tin từ cổ vấn học tập trước khi ĐKHP.

Về mặt khách quan, SV có nhiều điều kiện để tiếp xúc, trao đổi thông tin với nhau, đồng thời, truyền thống giáo dục Việt Nam vẫn tạo ra khoảng cách đáng kể giữa giảng viên (cổ vấn học tập) và SV. Về mặt chủ quan, nhiều giảng viên chưa chuẩn bị tâm thế đầy đủ cho nhiệm vụ mới, còn lúng túng với trách nhiệm của vị trí cổ vấn học tập. Bên cạnh đó, có 5,3% SV tham khảo từ Đề cương chi tiết học phần trước khi ĐKHP, tuy nhiên, khi phỏng vấn một số SV thuộc nhóm này thì tất cả đều xác định sai nội dung của Đề cương chi tiết học phần. Thực tế này cho thấy SV Địa lí tiếp cận hạn chế đối với chương trình đào tạo.

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác nhau về nguồn thông tin tham khảo giữa SV năm 2 và SV năm 3, 4 (xem Bảng 5).

Bảng 5. Nguồn thông tin tham khảo trước khi đăng kí học phần, phân theo khối lớp

	Nguồn thông tin tham khảo					Tổng
	Chương trình đào tạo	Đề cương chi tiết học phần	Cổ vấn học tập	Kinh nghiệm của SV năm trước	Lời khuyên của bạn bè cùng khóa/lớp	
Năm 2	30	6	4	45	30	51
Năm 3,4	82	12	9	73	84	92
Tổng	112	18	13	118	114	143

Nguồn: Xử lí từ kết quả điều tra

So với nhóm SV năm cuối, SV năm 2 tham khảo thông tin ĐKHP từ SV lớp trên nhiều hơn tham khảo từ bạn bè cùng khóa/lớp. Tuy nhiên, khi chúng tôi tiến hành phân tích quan hệ giữa 2 biến này bằng thủ tục kiểm định Chi – bình phương (Chi-square) cho kết quả hai biến này không có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê.

Về mức độ quan trọng của các nguồn thông tin, SV được khảo sát đánh giá chương trình đào tạo có ý nghĩa quan trọng quyết định (xem Bảng 6). Khi tiến hành thảo luận nhóm, cả 5 nhóm đều thống nhất tầm quan trọng quyết định của Chương trình đào tạo. SV cho rằng chương trình đào tạo “*có tính pháp lí và không thể thay đổi*”, là “*căn cứ để xác định các môn học*” và “*bắt buộc phải học theo chương trình đào tạo*”. Như vậy, SV nhận thức đúng nhưng vẫn chưa đầy đủ, chưa quan tâm đến các chuẩn đầu ra, cơ hội nghề nghiệp để định hướng ĐKHP tự chọn.

Đồng thời, SV được khảo sát cũng xem trọng lời khuyên của SV năm trước hoặc bạn bè đối với quyết định ĐKHP. Và một lần nữa kết quả khảo sát cho thấy vai trò của 2 yếu tố Cố vấn học tập và Đề cương chi tiết học phần rất ít quan trọng hoặc không quan trọng lắm đối với SV (xem Bảng 6).

Bảng 6. *Mức độ quan trọng của các nguồn thông tin tham khảo trước khi ĐKHP*

	Mức độ quan trọng				
	Quan trọng quyết định	Quan trọng	Trung tính	Ít quan trọng	Không quan trọng lắm
Chương trình đào tạo	33,0	30,1	20,2	14,5	11,3
Đề cương chi tiết học phần	6,7	6,7	21,5	25,1	31,8
Cố vấn học tập	2,1	2,9	19,3	35,4	42,2
Kinh nghiệm của SV năm trước	27,0	28,8	18,5	10,3	5,2
Lời khuyên của bạn bè cùng khóa/lớp	31,2	31,5	20,5	14,7	9,5
Tổng	100	100	100	100	100

Nguồn: Xử lí từ kết quả điều tra

3.1.3. Yếu tố tác động đến quyết định ĐKHP

Ở bậc giáo dục đại học, động cơ học tập có vai trò rất quan trọng. Bởi đa phần SV Khoa Địa lí không có gia đình ở TPHCM, nên SV bắt đầu học đại học cũng là lúc bắt đầu đời sống tự lập. Nếu không xác định động cơ học tập đúng, SV dễ bị lôi kéo vào nhiều hoạt động hấp dẫn của đời sống đô thị lớn (ngoài chuyện học tập) và giáo dục đại học không còn là trang bị kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp mà chỉ đơn giản là nơi cấp bằng đại học.

Hoạt động học tập của SV mang đậm sắc thái cá nhân, vậy nên, để có kết quả học tập tốt, việc học phải được thúc đẩy bởi một hệ thống động cơ học tập nói chung, đặc biệt là động cơ tự học. Học chế tín chỉ trao cho SV quyền chủ động, đồng thời cũng yêu cầu SV tinh thần tự giác và tự chịu trách nhiệm. Khảo sát các yếu tố quan trọng quyết định kết quả ĐKHP của SV phần nào thể hiện được động cơ học tập của SV Địa lí hiện nay. Kết quả ở Bảng 7 cho thấy những yếu tố quan trọng nhất là: Thời gian học tập thuận tiện; Phương pháp giảng dạy của giảng viên gây hứng thú; Học phần hữu ích để làm việc sau khi tốt nghiệp; Học chung với nhóm bạn thân.

Bảng 7. Mức độ quan trọng của các nguồn thông tin tham khảo trước khi ĐKHP

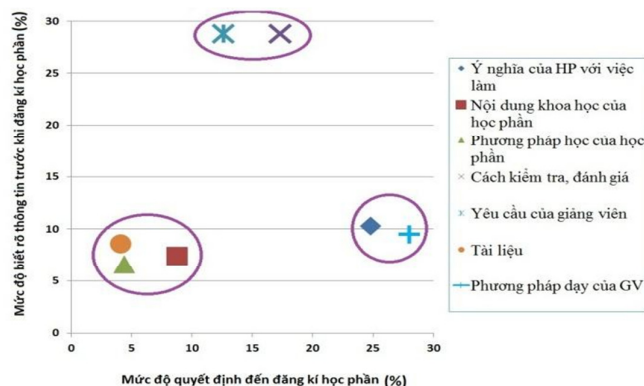
STT	Yếu tố quan trọng quyết định ĐKHP	Theo lượt trả lời		Tỉ lệ (%) theo mẫu khảo sát
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	
1	Học phần hữu ích để làm việc sau tốt nghiệp	79	14,6%	47,0%
2	Nội dung khoa học lí thú	28	5,2%	16,7%
3	Phương pháp học yêu thích	14	2,6%	8,3%
4	Cách kiểm tra, đánh giá kết quả học tập nhẹ nhàng, ít áp lực	55	10,2%	32,7%
5	Yêu cầu của giáo viên trong quá trình học vừa sức	40	7,4%	23,8%
6	Tài liệu, giáo trình đầy đủ, dễ mua	13	2,4%	7,7%
7	Phương pháp dạy của giảng viên gây hứng thú	89	16,5%	53,0%
8	Địa điểm học tập thuận tiện	61	11,3%	36,3%
9	Thời gian học tập thuận tiện	91	16,8%	54,2%
10	Học chung với nhóm bạn thân	71	13,1%	42,3%
	Tổng	541	100,0%	322,0%

Nguồn: Xử lí từ kết quả điều tra

Bảng 7 cũng cho thấy các yếu tố ít quyết định đến ĐKHP, như: tài liệu, giáo trình đầy đủ, dễ mua; Phương pháp học yêu thích; Nội dung khoa học lí thú.

Trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí ở Trường ĐHSP TPHCM hiện tại có tính mở khá lớn khi cho SV tự chọn hơn 1/3 tổng số học phần của khối kiến thức chuyên ngành. Từ khi bắt đầu thực hiện học chế tín chỉ, có nhiều học phần không bao giờ được SV chọn hoặc rất ít được chọn. Khi phỏng vấn SV về việc lựa chọn yếu tố “Học phần hữu ích để làm việc sau tốt nghiệp” thì tất cả SV nhắc đến học phần Bản đồ giáo khoa như là ví dụ rõ ràng nhất (đồng thời học phần Địa chất khoáng sản không được chọn vì SV cảm thấy không cần thiết cho quá trình dạy học sau này). Tuy nhiên, với các học phần tự chọn còn lại, SV đều lúng túng khi được hỏi ý nghĩa của HP đối với nghề nghiệp sau này.

Kết quả so sánh mức độ quyết định với mức độ biết rõ của các yếu tố khi ĐKHP được thể hiện ở Hình 2 dưới đây:

**Hình 2.** Mức độ biết rõ thông tin và mức độ quyết định của thông tin đến ĐKHP

Phân tích Hình 2, có thể chia các yếu tố tác động đến quyết định ĐKHP thành 3 nhóm:

- Nhóm 1: Các yếu tố SV *ít biết rõ* trước khi ĐKHP nhưng được SV đánh giá có *vai trò quyết định*. Kết hợp với các phân tích về mối quan tâm và nguồn thông tin của SV trước khi ĐKHP có thể nhận thấy SV đưa ra quyết định dựa vào những yếu tố quan tâm nhiều nhưng chưa được tìm hiểu kĩ. Có lẽ các yếu tố này phản ánh tâm lí “kì vọng” của SV khi ĐKHP nhiều hơn. Thật hợp lí và chính đáng khi SV mong chờ những giờ dạy *sôi nổi, hứng thú, vui vẻ* (kết quả thảo luận nhóm) và hữu ích đối với nghề nghiệp mai sau.

- Nhóm 2: Các yếu tố SV *ít biết rõ* và có *vai trò không quyết định* đối ĐKHP. Kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn cho thấy SV có quan tâm đến tài liệu, giáo trình, nội dung khoa học và phương pháp học của học phần nhưng ít biết rõ vì SV cho rằng những yếu tố này sẽ được giảng viên giới thiệu ở buổi học đầu và “*không cần thiết lắm*”. Vì vậy, ít khi SV căn cứ vào những yếu tố này để quyết định lựa chọn học phần.

- Nhóm 3: Các yếu tố SV *biết khá rõ* trước khi ĐKHP và được đánh giá có *vai trò quyết định* khá lớn. Thực tế cho thấy, trước mỗi “mùa” ĐKHP, thông tin SV trao đổi với nhau nhiều nhất là về *Thầy/cô dễ hay khó? Điểm thi cao hay thấp? Học có áp lực không?*... Đó cũng là những thông tin “via hè” nhưng có độ tin cậy cao vì là “kinh nghiệm xương máu” của những SV khóa trước. Vì vậy, ngoài yếu tố địa điểm và thời gian học thuận tiện, SV Địa lí hiện nay luôn mong những giờ học nhẹ nhàng, bài tập vừa sức và kết quả kiểm tra đạt điểm cao.

Kết quả khảo sát cho thấy động cơ khi đăng kí các học phần chuyên ngành tự chọn của SV Địa lí còn kém tích cực, có phần thụ động và mâu thuẫn:

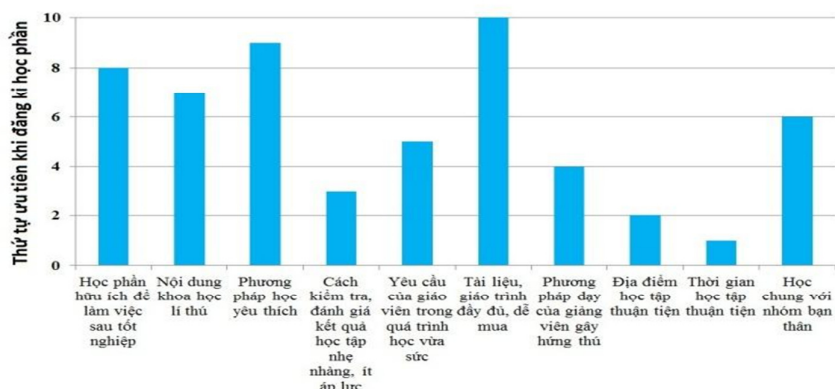
- Muốn học những học phần hữu ích với nghề nghiệp nhưng ít tìm hiểu chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và ít đề cao tầm quan trọng của kiến thức, kĩ năng của học phần;

- Muốn có những giờ học hứng thú, vui vẻ nhưng ít quan tâm đến phương pháp học vì cho rằng “*giảng viên sẽ tổ chức hoạt động học tương ứng*”;

- Muốn có kết quả học tập cao nhưng ít quan tâm đến phương pháp học và tự học, muốn làm việc ít. SV quan niệm “*Cách kiểm tra, đánh giá ít áp lực, nhẹ nhàng*” là “*dễ dễ, thi dễ, điểm cao*” và “*tính vừa sức*” trong quá trình học chỉ đơn giản là “*ít ra bài tập*”.

Động cơ học tập tích cực khi SV có nhu cầu chiếm lĩnh đối tượng học (kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo) và trở thành yếu tố thúc đẩy, định hướng và duy trì hoạt động học tập. Động cơ phải xuất phát từ sự ham hiểu biết, niềm tin hay sự quan tâm... của người học đến đối tượng học. Kết quả khảo sát cho thấy động cơ học của SV Địa lí thiên về những mục tiêu ngắn hạn, kết quả trước mắt và bị thúc đẩy bởi những động cơ bên ngoài.

Kết quả thảo luận nhóm để xác định các yếu tố quyết định đến ĐKHP tương đối khác với kết quả khảo sát từ bảng hỏi (xem Hình 3).



Hình 3. Thứ tự ưu tiên của các yếu tố tác động đến quyết định ĐKH

Vì Trường ĐHSP TPHCM có 3 cơ sở khá xa nhau nên việc sắp xếp thời gian và địa điểm học tập thuận tiện là rất quan trọng, đôi khi có ý nghĩa quyết định (trong một buổi học/ngày học, SV không thể di chuyển/rất bất tiện khi lịch học phân bố ở các cơ sở khác nhau). Đồng thời, phần lớn SV đều làm thêm để trang trải chi phí học tập và cuộc sống nên có đến 31% SV thay đổi lịch học để phù hợp với thời gian làm thêm. Trường hợp này, quyết định ĐKH của SV bị chi phối bởi các yếu tố khách quan. Ngoài hai yếu tố trên, hoạt động dạy của giảng viên có vai trò quyết định đến việc lựa chọn học phần của SV. Khoa Địa lí hiện đang tiến hành cho SV lựa chọn giảng viên, vì vậy, mỗi giảng viên với những cá tính, quan điểm, chuyên môn sâu và nghiệp vụ sư phạm khác nhau... có tác động quyết định đến kết quả ĐKH của SV. Ngoài ra, được học với nhóm bạn thân cũng là một ưu tiên quan trọng. Phần lớn SV Sư phạm Địa lí Trường ĐHSP TPHCM sống xa gia đình nên mối quan hệ bạn bè có ý nghĩa rất lớn. SV hình thành nên những nhóm bạn và luôn chọn lịch học phần giống nhau. Khi thay đổi ĐKH, có 23,4% SV bị tác động bởi lời khuyên của bạn bè.

3.2. Thảo luận

3.2.1. Chức năng quản lí

Đào tạo theo học chế tín chỉ khá mới đối với hệ thống giáo dục đại học Việt Nam hiện nay; vì vậy, nhiều trường đại học thực hiện với tinh thần “vừa làm vừa học”. Kết quả khảo sát cho thấy SV chưa biết rõ thông tin trước khi ĐKH có lí do quan trọng vì cơ sở đào tạo chưa sẵn sàng cung cấp các thông tin liên quan, hoặc thông tin đã công bố nhưng không công khai, hoặc khó tiếp cận, như: chương trình khung, đề cương chi tiết học phần, các bộ phận phục vụ đào tạo thiếu tinh thần phục vụ... Đồng thời, cơ sở đào tạo cần có cơ chế hỗ trợ và quản lí hoạt động của các bộ phận phục vụ, đặc biệt là cán bộ phòng đào tạo và giảng viên làm cố vấn học tập.

3.2.2. Vai trò của cố vấn học tập

Cố vấn học tập là một phần quan trọng với mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ ở Việt Nam. Để giúp SV học tập hiệu quả, cố vấn học tập cần biết rõ về chương trình đào

tạo, có những kỹ năng và phương tiện cần thiết để hỗ trợ SV và đặc biệt nhận thức được vai trò quan trọng của mình để tạo ra môi trường học tập tích cực cho SV. Thực tế hiện nay, đội ngũ giảng viên cố vấn học tập ở Khoa Địa lí chưa làm đúng và đủ trách nhiệm của mình; vai trò tư vấn, tổ chức, định hướng hoạt động học còn rất mờ nhạt.

3.2.3. Ưu tiên của SV khi ĐKHP

SV hiện nay nói chung và SV Khoa Địa lí Trường ĐHSP TPHCM nói riêng có quan điểm rất thực tế trong xác định động cơ học tập, vẫn còn tình trạng đặt ưu tiên trong kế hoạch học tập chưa hợp lí hoặc chưa đúng (như ưu tiên đi làm thêm cao hơn đi học...). Động cơ học tập của SV bị chi phối bởi những mục tiêu ngắn hạn, yếu tố khách quan và môi trường học tập. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy – học, cơ sở đào tạo cần: Nâng cao nhận thức của SV về mục tiêu, yêu cầu của ngành học; Củng cố niềm tin học tập và chú ý đến các hình thức thưởng - phạt tương thích; xây dựng bầu không khí học tập tích cực trong tập thể SV...

4. Kết luận

SV Khoa Địa lí Trường ĐHSP TPHCM có nhiều quyền lựa chọn học phần trong chương trình đào tạo. Tuy nhiên, do yếu tố khách quan và chủ quan, hoạt động ĐKHP chuyên ngành tự chọn của SV bị chi phối bởi những mục tiêu ngắn hạn, động cơ học tập còn thiếu tích cực; đồng thời, kết quả khảo sát thực tế cho thấy các hoạt động/nguồn lực hỗ trợ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường ĐHSP TPHCM và Khoa Địa lí còn thiếu hiệu quả.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nhut Ho, Northridg and Michelle Zjhra. (2008). Chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức, Phạm Thị Ly dịch. Khai thác từ <http://www.lypham.net/?p=714>, truy cập 10g30' ngày 9/9/2016.
- Dương Thị Kim Oanh. (20/9/2016). Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*. Khai thác từ www.vjol.info/index.php/sphcm/article/view/11155/10143.
- Nguyễn Thanh Sơn. (11/12/2016). Giáo dục mục đích, động cơ học tập cho sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ. *Tạp chí Khoa học Yersin*. Khai thác từ <http://yersin.edu.vn/Download/MyFile/250>.